

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2024
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Xuân Thuận;
- Bà Trần Thị Phúc Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trần Q, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Trần Q trình bày:

Anh và chị Lê Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/4/2012. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng và tôn trọng dẫn đến xung đột và sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Hiện nay anh Q nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh Q và chị Lê Thị H có một con chung tên Nguyễn Thị Lê T1, sinh ngày 03/6/2012. Sau khi ly hôn anh mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Lê T1 và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/6/2024 chị Lê Thị H trình bày nội dung như sau:

Chị và anh Nguyễn Trần Q đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/5/2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay anh Nguyễn Trần Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Lê Tâm s ngày 03/6/2012 và hiện nay cháu đang sinh sống cùng với anh Q. Sau khi ly hôn chị thống nhất giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh Q có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, con chung” với chị H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị H có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q và chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Q và chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Kết hôn giữa anh Q và chị H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Quan hệ con chung:

Quá trình chung sống anh Q và chị H sinh được một con chung Nguyễn Thị Lê T1, sinh ngày 03/6/2012. Anh Nguyễn Trần Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung; con chung cháu T1 hiện đang sinh sống cùng anh Q, đồng thời con đơn xin nguyện vọng ở với ba. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho anh Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q không yêu cầu.

Bên không trực tiếp chăm sóc con chung được quyền thăm nom con không được ai cản trở.

[4] Quan hệ tài sản và nợ chung: Anh Q và chị H thống nhất không có vì vậy không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Trần Q phải nộp án phí ly hôn để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Trần Q và bị đơn chị Lê Thị H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Trần Q ly hôn với chị Lê Thị H.
3. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Trần Q nuôi con chung là Nguyễn Thị Lê T1, sinh ngày 03/06/2012. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm con, không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Trần Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000100, ngày 31/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để sung vào công quỹ Nhà nước. Anh Nguyễn Trần Q đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn